

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-PT

Ngày: 05-12-2023

V/v Tranh chấp: "Ly hôn, nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà
Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10
năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 420/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023
của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 831/2023/QĐ-PT ngày
31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Trần Văn M, sinh năm 1963. Có mặt

Địa chỉ: 3 T, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

***Bị đơn:** Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Có mặt

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Trần Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

*** Nguyên đơn anh Trần văn M1 trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị T sống chung như vợ chồng từ năm 2017, có đăng
ký kết hôn vào ngày 05/5/2020 và được Ủy ban nhân dân phường D, thành phố V
cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì không tìm
hiểu rõ về nhau, dẫn đến tính cách không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, đến
tháng 11/2022 thì vợ chồng ly thân và chị T đem con về quê sinh sống. Nay mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục để tiếp tục sống chung nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị và anh Trần Văn M tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, đến năm 2020 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh M tính gia trưởng, ghen tuông vô cớ, nhậu say anh M thường chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị và mẹ chị. Tháng 11/2022 khi chị đang nuôi con nằm viện ở Vĩnh Long thì anh M điện thoại đuổi chị về Tiền Giang ở, lúc chị đưa con về thì anh M đã đổi ổ khoá, chị không liên lạc để vô nhà được nên chị đưa con về nhà mẹ ruột sống từ đó đến nay. Nay chị đồng ý ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Nhật P, Cháu P từ khi mới sinh đã bị mắc chứng rối loạn của hoạt động và chú ý, rối loạn phát triển về lời nói và ngôn ngữ không xác định, có biểu hiện tăng động hơn những đứa trẻ khác, mọi ăn uống tắm rửa, sinh hoạt của cháu đều cần người hỗ trợ, bệnh của cháu là bệnh mãn tính không thể điều trị hết, hiện cháu đang học tại trường H ở xã Đ, thành phố M. Từ khi sinh cháu ra đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc cho cháu nên hiểu rõ tính cách của cháu, hiện cháu đang sống với chị, anh M đã lớn tuổi, sống một mình nếu giao cháu cho anh M nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo sự phát triển của cháu, trước đây anh M từng yêu cầu giám định AND cháu P, sau khi có kết quả anh M mới thừa nhận cháu P là con. Do đó chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Anh M giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị T, anh yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý ly hôn với anh M, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

* Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 420/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn M.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao con tên Trần Nhật P, sinh ngày 04/4/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh M được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nhật P mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 08/8/2023, nguyên đơn Trần Văn M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận giao cháu Trần Nhật P, sinh ngày 04/4/2019 cho anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: ông M kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu P, nhưng không đưa ra được biện pháp nuôi dưỡng nào tốt nhất cho cháu P và cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Trần Văn M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con với chị Nguyễn Thị T, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn và nuôi con là có căn cứ đúng quy định tại Điều 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: tranh chấp giữa nguyên đơn anh M với bị đơn chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đơn kháng cáo anh Trần Văn M đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: nguyên đơn Trần Văn M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận giao cháu Trần Nhật P, sinh ngày 04/4/2019 cho anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M:

Anh M và chị T cùng thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nhật P, sinh ngày 04/4/2019, khi ly hôn anh M và chị T đều yêu cầu được nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm anh M thừa nhận từ tháng 11/2022 cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P tại nhà của chị T xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cháu P theo giấy khám sức khỏe tâm thần của bệnh viện T1 - Sở Y ngày 07/7/2023 xác định tình trạng sức khỏe tâm thần hiện tại của cháu P: Rối loạn của hoạt động và chú ý (F90.0) + Rối loạn phát triển về lời nói ngôn ngữ không xác định (F80.9). Chị T trình bày chị là người chăm sóc con từ lúc sinh ra cho đến nay, cháu hiện là học sinh lớp giáo dục đặc biệt Lương Thế Vinh của Trường H tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang, chị là người trực tiếp đưa rước chăm sóc cháu P. Trong quá trình chị T trực tiếp chăm sóc cháu P thì cháu phát triển tốt, được cho đi học lớp giáo dục đặc biệt dành cho bé để mục đích cải thiện bệnh tật cho cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M kháng cáo yêu cầu về mặt pháp lý quyết định anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, nhưng thực tế thì anh đồng ý để cháu P cho chị T nuôi dưỡng, yêu cầu này của anh M không có căn cứ vì sẽ gây khó khăn cho quá trình chăm sóc nuôi dưỡng cho cháu khi cần xác nhận về mặt

giấy tờ cho cháu đổi với người trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra anh M yêu cầu được nuôi con nhưng anh không đưa ra được giải pháp để chăm sóc con tốt, anh M hiện nay đã 60 tuổi và đang sống cùng với người chị đã lớn tuổi, cháu P chỉ mới hơn 4 tuổi là đang mắc chứng rối loạn hoạt động và chú ý và anh thừa nhận khi vợ chồng còn chung sống thì chị T là người trực tiếp chăm sóc cho con. Do cháu P bị bệnh, chị T là người trực tiếp gần gũi, chăm sóc cháu P từ lúc cháu sinh ra cho đến nay nên để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu cần để chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 và 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó yêu cầu kháng cáo của anh M không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, nên anh M phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Văn M.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 420/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn M.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao con tên Trần Nhật P, sinh ngày 04/4/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh M được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nhật P mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021836 ngày 12/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên anh M còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011921 ngày 21/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền